

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI LĂNG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28/02/2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI LĂNG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Bùi Diệu Lương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Liên.
2. Ông Trần Quang Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kim Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXX-ST ngày 31 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị D; địa chỉ: Thôn D, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đào Văn H; địa chỉ: Thôn D, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/11/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thị D trình bày:

Chị và anh Đào Văn H kết hôn tự nguyện vào ngày 07/9/1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cụ thể anh H thường uống rượu, chửi mắng, đánh đập vợ con, làm ảnh hưởng đến việc học và phát triển nhân cách của

con. Nay không thể khắc phục mâu thuẫn và tha thứ nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đào Văn H.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là Đào Thị H, sinh ngày 02/7/2001; Đào Thị Thanh T, sinh ngày 12/02/2008; Đào Ngọc Bảo C, sinh ngày 09/12/2011; Đào Hữu N, sinh ngày 08/3/2013. Cháu H đã thành niên và có khả năng lao động nên chị D không yêu cầu giải quyết về việc nuôi con. Đối với các cháu Đào Thị Thanh T, Đào Ngọc Bảo C, Đào Hữu N chị D xin trực tiếp nuôi dưỡng cả ba cháu và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07/11/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đào Văn H trình bày:

Anh và chị Phan Thị D kết hôn vào năm 1999, có đăng ký tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây xảy ra mâu thuẫn, do bản thân anh có uống rượu, la mắng vợ con. Nay chị D yêu cầu ly hôn, anh xin được đoàn tụ. Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là Đào Thị H, sinh ngày 02/7/2001; Đào Thị Thanh T, sinh ngày 12/02/2008; Đào Ngọc Bảo C, sinh ngày 09/12/2011; Đào Hữu N, sinh ngày 08/3/2013. Trường hợp phải ly hôn thì anh H đồng ý để chị D nuôi con và anh cấp dưỡng nuôi cháu Đào Hữu N mỗi tháng 3.000.000 đồng. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 96, 97, 175, 177, 178, 195, 196, 203, 220, 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cụ thể: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý, quan hệ tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng, xác minh, thu thập chứng cứ; thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo các phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, tuân thủ quy định của pháp luật về thời hạn thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử và thực hiện việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát trước khi tham gia phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện, cho chị Phan Thị D được ly hôn anh Đào Văn H. Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cho chị Phan Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu Đào Thị Thanh T, sinh ngày 12/02/2008, Đào Ngọc Bảo C, sinh ngày 09/12/2011 và Đào Hữu N, sinh ngày 08/3/2013. Anh H cấp dưỡng nuôi cháu Đào Hữu N mỗi tháng 3.000.000 đồng. Riêng cháu Đào Thị H đã thành niên và có khả năng lao động. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị Phan Thị D phải chịu án phí ly hôn, anh Đào Văn H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Sau khi xem xét yêu cầu của nguyên đơn, xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện H, tỉnh Quảng Trị nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đúng trình tự thủ tục tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do nên theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị D và anh Đào Văn H kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H vào năm 1999. Quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do không hòa hợp tính tình, cách sống.

Tại biên bản xác minh, Hội liên hiệp phụ nữ xã H xác nhận: Quá trình chung sống, vợ chồng chị D xảy ra mâu thuẫn do anh H thường uống rượu, gây gổ vợ con, mâu thuẫn kéo dài làm rạn nứt tình cảm gia đình, vợ chồng không hòa hợp để chung sống. Về con chung: Chị D và anh H có 04 con chung là Đào Thị H, sinh ngày 02/7/2001; Đào Thị Thanh T sinh ngày 12/02/2008; Đào Ngọc Bảo C, sinh ngày 09/12/2011; Đào Hữu N, sinh ngày 08/3/2013. Cháu Đào Thị H hiện đã thành niên và đã đi làm. Các cháu T, C, N hiện đang sống cùng chị D và anh H. Anh H hiện đang làm thợ xây dựng tại địa phương. Chị D đang làm công nhân tại Công ty may Phong Phú ở thị trấn D, huyện H, tỉnh Quảng Trị.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Phan Thị D vẫn giữ nguyên ý kiến xin ly hôn và xin được nuôi con. Anh Đào Văn H có nguyện vọng đoàn tụ nhưng không tham gia đầy đủ các phiên hòa giải, chứng tỏ anh H không có thiện chí hoà giải để khắc phục mâu thuẫn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị D và

anh H ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị D là có căn cứ, cần chấp nhận

[4] Về nuôi con chung: Chị D và anh H có 04 con chung là Đào Thị H, sinh ngày 02/7/2001; Đào Thị Thanh T, sinh ngày 12/02/2008; Đào Ngọc Bảo C, sinh ngày 09/12/2011; Đào Hữu N, sinh ngày 08/3/2013. Cháu Đào Thị H đã thành niên và có khả năng lao động. Xét các cháu Đào Thị Thanh T, Đào Ngọc Bảo C, Đào Hữu N đều có ý kiến được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Chị Phan Thị D cũng đã có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba cháu T, C, N và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng là 3.000.000 đồng. Bản thân chị Phan Thị D hiện đang làm công nhân tại Nhà máy may xuất khẩu Phong Phú, Quảng Trị thuộc Công ty cổ phần Quốc tế Phong Phú, có thu nhập ổn định hàng tháng là 8.000.000 đồng. Phía anh Đào Văn H cũng đã đồng ý để chị D nuôi các con khi ly hôn và anh cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 3.000.000 đồng. Vì vậy, cần giao các cháu Đào Thị Thanh T, Đào Ngọc Bảo C, Đào Hữu N cho chị D nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H hiện đang làm thợ xây dựng tại địa phương, có thu nhập ổn định, nên việc anh H phải cấp dưỡng nuôi cháu Đào Hữu N mỗi tháng 3.000.000 đồng là phù hợp với mức thu nhập, nguyện vọng của các bên cũng như đảm bảo quyền lợi cho con theo quy định pháp luật.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Phan Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Đào Văn H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị D.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị D được ly hôn anh Đào Văn H.

Về nuôi con chung: Giao các cháu Đào Thị Thanh T, sinh ngày 12/02/2008; Đào Ngọc Bảo C, sinh ngày 09/12/2011; Đào Hữu N, sinh ngày 08/3/2013 cho chị Phan Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đào Văn H cấp dưỡng nuôi cháu Đào Hữu N mỗi tháng 3.000.000 đồng, kể từ tháng 3/2023 cho đến khi cháu Đào Hữu N thành niên và có khả năng lao động.

Cháu Đào Th, sinh ngày 02/7/2001 đã thành niên và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong,

bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Chị Phan Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số CC/2021/0000212 ngày 01/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Quảng Trị, chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Đào Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng theo định kỳ.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Hải Lăng;
- THADS huyện Hải Lăng;
- UBND xã Hải Dương;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Bùi Diệu Lương